

# **VIỆT TRIẾT LUẬN TẬP**

**Thượng Tập**

**TRUY NGUYÊN BẢN CHẤT CỦA VIỆT TRIẾT**

# NỘI DUNG

## Phụ Tựa Và Cảm Tạ

### *Chương 1: Phần Dẫn Nhập: Quá Trình Việt Triết*

### *Chương 2: Việt Nam Văn Hóa Chi Đạo*

### *Chương 3: Phản Tư Về Những Chiều Hướng Triết Học Hiện Đại*

### *Chương 4: Bản Thể Và Đặc Tính Việt Triết*

### *Chương 5: Chữ Mệnh Trong Truyện Kiều - Tâm Đạo*

### *Chương 6: Nhân Chủ Chi Đạo*

### *Chương 7: Khả Thể Một Nền Việt Triết*

## Phụ Tựa và Cảm Tạ

*Việt Triết Luận Tập* là những suy tư về triết học nói chung, và về Việt triết cách riêng, mà chúng tôi dò dẫm vào gần hai thập niên qua. *Việt Triết Luận Tập* (Thượng tập) gồm nhiều bài được viết, phần do lời yêu cầu của sinh viên, phần do sự cổ võ của một số học giả và những nhà trí thức tha thiết với tư tưởng nước nhà tại hải ngoại. Chỉ gần đây, do sự đòi hỏi của độc giả, chúng tôi viết lại và hoàn thành trong những dịp thuyết trình đó đây. Luận văn “Khả Thể Một Nền Việt Triết” cô đọng và phát triển thêm từ bản thuyết trình “Việt Triết Khả Khứ Khả Tùng” từng viết theo lời mời của nhân sỹ Vương Kỳ Sơn, và trình bày vào mùa hè 1993 trước một nhóm văn sỹ, học giả và ký giả tại New Orleans.<sup>1</sup> “Nhân Chủ chi Đạo” gần như hoàn toàn viết lại từ hai tiểu luận thuyết trình tại Đại Học Varsovia, và Đại Học Lublin, tháng 8 năm 1993 dịp tác giả được *Polish Academy of World Universalism* (Ba Lan) bầu làm Viện sỹ.<sup>2</sup> “Phản Tư về những Chiều Hướng Triết Học Hiện Đại” và “Bản Thể và Đặc Tính Việt Triết” sửa lại từ tài liệu giảng huấn tại Đại Học Hè 1996 tại Thụy Sỹ, cho các sinh viên Việt tại Âu châu.<sup>3</sup> Luận đề “Chữ Mệnh trong

<sup>1</sup> Bài này từng xuất bản trong *Việt Nam Dệ Ngũ Thiên Ký*, do Vương Kỳ Sơn chủ biên (New Orleans: Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam, 1995).

<sup>2</sup> Nguyên ngữ “The Anthropocentric Element in Confucius’ Political Philosophy” và “The Social Philosophy of John-Paul II.” Bài thứ hai in trong *Dialectics*, tập 5, số 4 (Varsovia, 1994). Bản Việt ngữ trong *Định Hướng*, số 3 (Reichstett, 1994).

<sup>3</sup> Xuất bản trong *Vietnamologica*, số 2 (Toronto, 1997).

“Truyện Kiều - Tâm Đạo” trình bày trước cộng đồng Việt kiều tại Đức quốc vào mùa thu năm 1996 tại Frankfurt.<sup>4</sup> Ngoài ra tuyên ngôn “Việt Nam Văn Hóa chí Đạo” viết lại từ bản dự thảo Việt học đệ trình cho Ủy Ban Nghiên Cứu Việt Triết vào năm 1992.<sup>5</sup> Trong khi *Việt Triết Luận Tập*, Hạ Tập gồm các bản thuyết trình tại Việt Nam, cũng như tại các hội nghị quốc tế gần đây. “Bản Chất Y Hệ của Việt Nho” phát biểu tại Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn (1998);<sup>6</sup> “Hiện Đại Hóa và Giá Trị Truyền Thống” từng báo cáo tại Viện Triết Học Hà Nội (1998);<sup>7</sup> trong khi tiểu luận “Phản Tỉnh về Vai Trò Ý Hệ trong nền Giáo Dục Việt Nam” phát biểu trong cuộc hội thảo tại Boston College (1998);<sup>8</sup> Ngoài ra, “Khổng Học tại Việt Nam” trình bày tại

<sup>4</sup> *Vietnamologica*, số 4 (Toronto, 1998).

<sup>5</sup> *Định Hướng* số 5 (Reichstett, 1995).

<sup>6</sup> Nguyên ngữ “The Ideological Essence of Viet-Nho.” Phát biểu trong hội nghị “The Role of Confucianism in Vietnam Today” do Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn và Đại Học Harvard đồng tổ chức (11. 1998). Bản Việt ngữ do Nguyễn Quốc Vinh dịch, in trong *Tập San Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn*, số 8 (Sài Gòn, 1999).

<sup>7</sup> Viết lại từ bản Anh ngữ “The Dialectic of Tradition and Modernity” (The 19<sup>th</sup> World Congress of Philosophy, Moscow 1993). Xuất bản trong *Philosophical Review*, số 17 (1994).

<sup>8</sup> Trong cuộc hội thảo “Education of Human Resources for Viet Nam,” tổ chức dịp *Đại Hội Triết Học Hoàn Vũ* lần 20 tại Boston (8. 1998). Bài này tóm lại từ một số luận văn mà chúng tôi từng phát biểu tại nhiều hội nghị quốc tế và từng xuất bản: “Reflection on the Nature of Ideology,” trong *The Asian Journal of Philosophy* (Winter 1991); “Deception in Ideological Education,” trong *Review of Philosophy of Education*, Monash University (Australia, 1991) cũng như trong *Proceedings of The International Conference on Asian and North*

Hội nghị quốc tế về Triết học Trung Quốc (Đài Bắc, 1999);<sup>9</sup> “Kim Định và Việt Triết” nguyên là bài thuyết trình dịp tưởng niệm Giáo sư Kim Định tại Houston (1999);<sup>10</sup> “Sinh Tử trong Khổng Học” vốn là tài liệu giảng huấn tại hai khóa học của Viện Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam tại Washington D. C. và Orange County (1999).<sup>11</sup> Đặc biệt, bài “Sự Khủng Hoảng Đạo Đức trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa,” cô đọng từ những thuyết trình tại Thế Vận Hội Hán Thành (1988), Hàn Lâm Viện Đại Hàn (1990), và Đại Học Harvard (1995), và hoàn tất cho cuộc hội thảo quốc tế tại Đại Học Quốc Gia Sài Gòn với tựa đề “An Anatomy of the Crisis of Morals in the Process of Modernization - The Case of a Confucian Society.”<sup>12</sup>

*African Study* (Toronto: Mellin Press, 1992). Các luận văn trên được tái bản trong tập khảo cứu của chúng tôi: Trần Văn Đoàn, *The Poverty of Ideological Education* (Taipei: The Ministry of Education, 1993 và Washington D. C.: The Council for Research in Values and Philosophy, 1999).

<sup>9</sup> Nguyên ngữ “Confucianism in Vietnam,” trong *The Encyclopedia of Chinese Philosophy*. Antonio Cua chb. (New York: New York University Press, 2000).

<sup>10</sup> Phát biểu dịp Lễ Tưởng Niệm Kim Định lần thứ hai. Nguyên ngữ: “Kim Dinh’s Search for a Viet-Philosophy,” trong Phan Đình Cho & Trần Văn Đoàn, ed., *Kim Dinh, Life and Philosophy* (Washington D.C.: The University Press of Vietnam, đương sửa soạn in).

<sup>11</sup> Tài liệu của Viện Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam, in trong *Tập San Nghiên Cứu Văn Học, Triết Học và Thần Học Việt Nam* (Washington D. C., 2000).

<sup>12</sup> Trần Văn Đoàn, “The Crisis of Morals and The Problem of Re-definition of Values,” trong: *The World Conference of Intellectuals Seoul Olympic 1988*, vol. 3: *The Crisis of Traditional Values and A*

Sau nhiều chuyến du thuyết vào những năm gần đây tại Viện Triết Học Hà Nội, Đại Học Quốc Gia Việt Nam (Sài Gòn), và nhiều nước trên thế giới, chúng tôi càng cảm thấy sự cấp bách của công việc hưng triết tại quê nhà cũng như hải ngoại. Chính vì vậy, tác giả quyết định cho in những bài thuyết trình tại các Đại học, Hàn lâm viện, và Hội nghị quốc tế dưới tựa đề *Việt Triết Luận Tập* (Thượng tập và Hạ tập). Mục đích của hai tập sách nhỏ này rất khiêm tốn. Người viết xin được góp hơi sức với các bậc thức giả thổi phồng lên tàn lửa văn hóa dân tộc đương nguội lạnh, để cổ vũ thế hệ thanh thiếu niên hướng về nguồn, xây dựng và phát triển tư tưởng Việt. Đồng thời, những suy tư thô thiển này cũng ao ước được làm một viên gạch lót đường cho những người đi sau tiếp tục tiến lên. Chính vì vậy mà *Việt Triết Luận Tập* đặc biệt nhắm tới các học viên tại Viện Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo (Hoa Kỳ), Đại Học Hè (Thụy Sỹ), cũng như tại hai Đại Học Quốc Gia Việt Nam (Hà Nội và Sài Gòn) cũng như giới trí thức thanh niên người Việt tại hải ngoại. Tác giả ý thức được rằng *Việt Triết Luận Tập* chỉ là những suy tư vụn vặt chứ chưa phải là một hệ thống khoa học về Việt triết. Để có thể cạnh

---

*Possible Redefinition of Morals* (Seoul: Olympic Committee, 1998); Trần Văn Đoàn, “Confucianism: Revival or Survival,” trong *The Proceedings of the Academy of Korean Studies*, tập 6 (Seoul: Academy of Korean Study, 1991); Trần Văn Đoàn, “An Anatomy of the Moral Crisis” (Harvard University, 08.1995 và Đại Học Quốc Gia Việt Nam, 01. 2000); Cũng như: Trần Văn Đoàn, “Nho gia Tư tưởng - Phục hưng hoặc Sinh tồn?” trong *Trung Hoa Thư Cục Tứ Thập Niên Kỷ Niệm* (Bắc Kinh: Trung Hoa Thư Cục, 1993). (Hoa ngữ).

tranh với những nền triết học đồ sộ của Tây phương, Trung Hoa và Ấn Độ, chúng ta cần phải nỗ lực rất nhiều.

Nghiên cứu Việt triết không phải là lãnh vực chuyên môn của tác giả. Phải thú thật rằng, hầu như gần như suốt cả mọi thời giờ chúng tôi đã đổ hết tâm huyết vào công việc học hỏi triết học và khoa học Tây phương, nên không còn mấy chút giây phút dành cho Việt triết. Tác giả thâm hiểu được sự hạn hẹp của mình, nhất là ở trong tình trạng túc cống vô thân, thiếu tài liệu Việt học, với một kiến thức hạn hẹp về chữ nôm, không có cơ hội sử dụng trau dồi Việt ngữ và chỉ có thể dựa vào một số ít tài liệu nghèo nàn, cũ kỹ mà có lẽ còn vướng vào nhiều sai lầm về phương diện sử học và ngữ học. Nơi đây cũng cần phải minh xác là chúng tôi chưa hề mở bất cứ một khóa học nào về Việt triết tại các giảng đường quốc tế hay quốc nội, trừ hai bài giảng duy nhất cho Đại Học Hè vào năm 1996 và 1997 tại Thụy Sỹ, và gần đây tại Viện Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam (Washington D.C. và Orange County). Nói như thế để độc giả thông cảm cho sự mạo hiểm của *Việt Triết Luận Tập*. Mặc dù ý thức được khiếm khuyết, song vì nhận thấy số lượng quá khiêm tốn về Việt triết,<sup>13</sup> và thâm cảm được

<sup>13</sup> Theo chúng tôi biết, hiện chỉ có *Viện Triết Học Hà Nội* thuộc Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam có một phòng nghiên cứu về triết học Việt gồm quãng 5 nghiên cứu viên do Giáo sư Nguyễn Tài Thư chủ nhiệm. Tại hải ngoại, một số nhân sỹ nhiệt huyết, nhất là môn sinh của Giáo sư Kim Định cũng đang tiến hành. Hiệp hội *An Việt* đã in các tác phẩm, và phát huy triết thuyết của Kim Định. Cũng phải nói thêm về một vài nhà trí thức chung quanh Tập san *Triết Học* tại San Jose, California. Vào năm 1987, chúng tôi thành lập Ủy Ban Nghiên Cứu Việt Triết với Giáo sư Kim Định, Tiến sỹ Vũ Đình Trác, Giáo sư Vũ

sự khẩn thiết đòi buộc sự dấn thân của kẻ sỹ, tác giả mạo hiểm làm công việc ‘đội đá’ góp sức với giới sỹ phu xây con đường định mệnh dân tộc. Do đó, sai lầm là lẽ tất nhiên không thể tránh. Chúng tôi thành tâm học hỏi và ước mong được các bậc cao minh chỉ giáo. Như giáo sư Karl Popper, một triết gia lỗi lạc người Áo, từng nói, chỉ có kiến thức khi nào chúng ta biết học hỏi từ những thiếu sót sai lạc,<sup>14</sup> chúng tôi xác quyết rằng Việt triết chỉ có tương lai nếu chúng ta biết sửa những lỗi lầm của nhau. Trong tinh thần này, chúng tôi phê bình học hỏi tư tưởng của các bậc tiền nhân. Cũng trong tinh thần này, chúng tôi ước mong được quý thức giả phê bình. Như độc giả nhận ra, phản tinh từ những phản ứng của nhiều học giả, chúng tôi đã sửa chữa một số lỗi lầm về sử học, văn học, cũng như *tam không áp dụng lỗi Việt hóa* các danh từ riêng, từng vấp phạm hay cố ý sử dụng trong các luận văn trước. Chúng tôi vẫn tiếp tục chờ đợi những phê bình đóng góp quý báu của độc giả hầu có thể cải tiến *Việt Triết Luận Tập* trong tương lai.

Nơi đây, chúng tôi xin thành thật tri ân quý nhân sỹ, bằng hữu và các vị thiện tâm đã cổ vũ giúp hoàn thành

Kim Chính (Đại Học Phụ Nhân, Trung Hoa Dân Quốc), Giáo sư Trần Văn Toàn (Đại Học Lilles), và Trần Văn Đoàn (Đại Học Quốc Gia Đài Loan). Riêng Giáo sư Toàn, tuy liên lạc, nhưng chưa cộng tác chung. Năm 1998, cùng với Giáo sư Phan Đình Cho, chúng tôi thành lập *Viện Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam* (The Vietnamese Institute of Philosophy and Religion) tại Hoa Kỳ.

<sup>14</sup> Karl Popper, *Conjectures and Refutations - The Growth of Scientific Knowledge* (London, 1963). Lời Tựa 1, tr. vii: “We can learn from our mistakes.”

*Việt Triết Luận Tập.* Trước hết xin chân thành cảm ơn Tiến sỹ hậu tuyển Nguyễn Quốc Vinh (Giảng sư, Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn) đã dịch và sửa một số lỗi trong phần chú thích bài “Bản Chất Y Hệ trong Việt Nho.” Chúng tôi xin đa tạ học giả đồng nghiệp đã có nhã ý mời chúng tôi thuyết trình và do đó tạo cơ hội để chúng tôi viết bài: Giáo sư Phan Đình Cho (Giáo sư Giảng tọa Warren-Blanding, The Catholic University of America), Giáo sư Januz Kuczinsky (Khoa Trưởng Triết Khoa, Đại Học Varsovia), Giáo sư Stanislow Kowalczyck (Viện Trưởng Đại Học Lublin), Nhân sỹ Vương Kỳ Sơn (Giám Đốc Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam tại New Orleans), Nhân sỹ Nguyễn Đăng Trúc (Điều Hợp Viên Đại Học Hè), Tiến sỹ Nguyễn Quang Điển (Hiệu Trưởng Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn), Giáo sư Nguyễn Trọng Chuẩn (Viện Trưởng Viện Triết Học Hà Nội), Giáo sư Vincent Shen (Thẩm Thanh Tùng) (Chủ tịch Hội Triết Học Trung Hoa Quốc Tế), Giáo sư Julia Ching (Tần Gia Nghĩa) (Đại Học Toronto, Chủ tịch ICANAS 32), Giáo sư Jakoob Hintikka và Giáo sư Robert Nevelles (Đại Học Boston, Đồng Chủ Tịch Đại Hội Triết Học Hoàn Vũ 20), Nhân sỹ Nguyễn Duy Quang (Chủ Tịch Hội An Việt Houston), Nhân sỹ Phạm Văn Yên (Phong Trào Giáo Dân Đức Quốc), Tiến sỹ Kang Won-Yong (Trưởng ban tổ chức Hội nghị của Thế Vận Hội Hán Thành, WACSO 1988), Giáo sư Chung Hae-chang (Hàn Lâm Viện Đại Hàn), Giáo sư Tu Wei-ming (Đỗ Duy Minh) (Giám đốc Yenching Institute tại Đại Học Harvard). Tác giả cũng xin cảm tạ Giáo sư Bùi Thanh Quất (Khoa trưởng Triết khoa, Đại Học Quốc Gia Hà Nội), Tiến

sỹ Vũ Tình (Khoa trưởng Triết khoa, Đại Học Quốc Gia Sài Gòn) và Tiến sỹ Nguyễn Hữu Nghĩa (Viện trưởng Trung Tâm Khoa Học Xã Hội Tph Hồ Chí Minh) có nhã ý mời chúng tôi về giảng dạy, thuyết trình tại hai Đại Học Quốc Gia Hà Nội và Sài Gòn, hoặc tham dự một số chương trình nghiên cứu của Trung Tâm Khoa Học. Nhã ý của họ là động lực khiến chúng tôi cố gắng hoàn thành *Việt Triết Luận Tập* trong một thời gian tương đối ngắn, ngược với thói quen không thích xuất bản của mình.

Sau cùng, tác giả của *Việt Triết Luận Tập* hết lòng tri ân quý ân sư tại mẫu hiệu *Simon Hòa Đà Lạt*, đã vun trồng tâm hồn ái quốc, tinh thần nhân bản, khả năng suy tư phê phán, và đức tính phục vụ trong mỗi người học sinh. Tuy rằng những đức tính trên thực là những lý tưởng xa vời và khó đạt, lời giáo huấn của quý ân sư vẫn sôi động trong con tim, trong trí óc, thúc dục tác giả đi vào con đường phục vụ tổ quốc và nhân loại. Trong tâm tình này, *Việt Triết Luận Tập* đặc biệt kính dâng lên hiền mẫu, cố Linh mục dưỡng phụ Ngô Đức Cường, và cố Giám mục Simon Hòa Nguyễn Văn Hiền, một nhà chân tu thông thái đầy lòng ái quốc. Không có lòng tận tâm dậy dỗ và yêu thương của hiền mẫu, không có sự giúp đỡ và chăm sóc của dưỡng phụ, không có tình thông cảm và lời khích lệ của cố Giám mục, chắc hẳn chúng tôi khó có thể tiếp tục con đường văn hóa chông gai hiện nay.

Thụy Sơn Trần Văn Đoàn

*Kiều Ngân Học Viện* (Sankt Georgen), Đại học Frankfurt, 05. 1997 (sơ thảo). *Sở Nghiên Cứu Triết Học*, Đại học Quốc Gia Đài Loan, 05. 2000.

# CHƯƠNG I

## PHẦN DẪN NHẬP

### QUÁ TRÌNH CỦA VIỆT TRIẾT

*Việt Triết Luận Tập* bao gồm những bài thuyết trình liên quan tới triết học cách chung, và Việt triết cách riêng. Trong hai tập này, chúng tôi sửa chữa viết lại các bài đã từng phát biểu trong nhiều tập san như *Dialectics*, *Philosophical Review*, *Vietnamologica*, *Định Hướng*, *The Asian Journal of Philosophy*, *Philosophy and the Future of Humanity*, *Tập san Khoa học Xã hội*, và trong *Proceedings* của nhiều Hội nghị Quốc tế. *Việt Triết Luận Tập*, Thượng Tập gồm các tiểu luận, hay luận đề. Trong tất cả các tiểu luận trên, trừ bài “Việt Nam Văn Hóa chi Đạo” có tính chất tuyên ngôn kêu gọi, nội dung của chúng đều tập trung vào những đề tài chuyên biệt như đạo dân chủ trong tư tưởng Đông phương, tương lai của Việt triết, đặc tính của Việt nho, Đạo đức học Đông phương. Trong *Việt Triết Luận Tập*, Hạ Tập, chúng tôi đặc biệt chú trọng tới Việt Nho, bởi vì Việt Nho là bước khởi đầu của tiến trình biến hóa của Việt triết. Thế nên, hầu hết các luận văn tập trung vào sự biến hóa của Nho giáo, từ Hán nho, Tống nho, Minh nho tới Việt nho, và từ Việt nho cho tới Việt triết. Bài “Quan Niệm Sinh Tử trong Khổng Học” từng in trong *Thời Điểm* của Viện Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam. Luận văn “Bản Chất Ý Hệ trong Việt Nho” sửa lại từ bài “Tinh

Hoa Ý Thức Hệ của Việt Nho” in trong *Tập San Khoa Học Xã Hội* của Đại Học Quốc Gia Việt Nam, Sài Gòn; trong khi các tiểu luận “Khổng Học tại Việt Nam,” “Kim Định và Việt Triết,” “Sự Khủng Hoảng Đạo Đức trong Tiến Trình Hiện Đại Hóa,” vốn phát biểu bằng Anh ngữ, tất cả đều được chuyển qua Việt ngữ.

Chúng tôi tránh không tham luận các nền tư tưởng khác như Phật giáo, Đạo giáo, Đạo dân gian (tập tục cúng bái Tổ Tiên), hay có tính cách dân gian (hai đạo Cao Đài và Hòa Hảo, đạo ông Dừa) trong *Việt Triết Luận Tập*. Không giám bàn đến bởi lẽ rất đơn giản: chúng tôi không chuyên về những nền tư tưởng trên. Tuy vậy, để tránh ngộ nhận, chúng tôi xin được khẳng định nơi đây là, tất cả các nền tư tưởng trên đều là những bộ phận, hay dữ liệu góp phần giúp Việt triết phát triển cũng như tinh hoa hóa.

Trong phần dẫn nhập này, để độc giả dễ dàng nhận ra quan điểm của người viết, chúng tôi xin được phép trình bày một cách đại cương các điểm sau: (1) tình trạng Việt triết vào thế kỷ thứ 20; (2) những ngộ nhận về triết học nói chung, và về Việt triết cách riêng; (3) bản chất và công năng của Việt triết; và (4) tương lai Việt triết.

## **1. TÌNH TRẠNG VIỆT TRIẾT VÀO THẾ KỶ THỨ 20**

Đối với đa số giới trí thức Việt, Việt triết là một danh từ xa lạ, có tính chất hoang đường của dã sử. Đối với các cựu nho gia, Việt triết chẳng là gì khác hơn là chính Nho giáo. Và đối với những học giả bị ảnh hưởng của Phật giáo, Đạo giáo, Việt triết chỉ là một phần của những đạo giáo này. Nói cách chung, Việt triết thường bị giản lược hóa thành một đặc tính của Tam giáo, hay bị đồng hóa với những quan niệm huyền bí trong dân gian, hay tệ hơn, với những quan niệm mê tín dị đoan.

Vào đầu thế kỷ 20, các nho gia như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Trọng Kim, Phan Khôi mới bắt đầu làm quen với thuật ngữ của triết học qua các nho gia Trung Hoa như Lương Khải Siêu, Đàm Tử Đồng, Nghiêm Phục,<sup>15</sup> vân vân, và gần hơn, với Tài Nguyên Phiệt, Hồ Thích, Trần Độc Tú, Lương Thấu Minh. Từ một khía cạnh khác, các nhà trí thức bị ảnh hưởng Tây học cũng bắt đầu làm

<sup>15</sup> Ngay đối với giới trí thức Trung Hoa, danh từ triết học và tôn giáo cũng chỉ mới du nhập vào trong Hoa ngữ qua tiếng Nhật vào cuối thế kỷ 19 mà thôi. Đa số các bản dịch Hoa ngữ không trực tiếp từ nguyên ngữ, song từ bản dịch Nhật ngữ. Xin xem Julia Ching, *Confucianism and Christianity - A Comparative Study* (Tokyo: Sophia University, 1977), tr. xv, và chú thích số 2, tr. xxv. Cũng xin tham khảo thêm: Jacques Gernet, *Chine et Christianisme* (Paris: Gallimard, 1982), tr. 81-82. Theo Gernet, Giáo sư tại Collège de France, thì vào cuối thời Minh, đầu thời Thanh, các nho gia như Lý Chí Tảo, Từ Quang Khải dùng thuật ngữ “tây học,” hay “thiên học” để chỉ thần học, triết học và khoa học do Matteo Ricci, Adam Schall von Bell và các nhà truyền giáo dòng Tên khác giới thiệu cho các nho gia.

quen với triết học Pháp, nhất là triết học của René Descartes, Blaise Pascal, Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu, và gần hơn, Henri Bergson.

Chính vì triết học còn quá xa lạ, nên các nhà trí thức Việt không thể ý thức được một nền triết học Việt. Đối với Trần Trọng Kim, triết học là một môn tri thức đặc sản của tây phương. Mặc dù nhận thấy triết học của Bergson rất gần giống tư tưởng nho học,<sup>16</sup> họ Trần vẫn tin tưởng là Việt Nam chưa có triết học, bởi lẽ ngay cả nền nho học Việt cũng chỉ là Hán nho mà thôi.<sup>17</sup> Phan Khôi cũng không đi xa hơn họ Trần bao nhiêu. Trong cuộc tranh luận với họ Trần, họ Phan ra sức biện hộ cho triết học Pháp, và gián tiếp phủ nhận tính chất nghiêm túc của nho học. Điểm đáng chú ý là nhị vị tiên sinh không hề đả động đến lối tư duy của người Việt.<sup>18</sup> Trước hai cụ, các nhà chí sĩ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh cũng nghĩ như thế, khi các cụ hướng về Nhật (Y Đằng Bác Văn) hay Tàu (Lương Khải Siêu) để tìm một lối đi cho Việt Nam. Hai chí sĩ vẫn chưa

<sup>16</sup> Trần Trọng Kim, *Nho Giáo* (Sài Gòn: Tân Việt, niên ký không rõ), Lời phát đoán, tr. xxiv.

<sup>17</sup> Trần Trọng Kim, như trên, tr. 372.

<sup>18</sup> Phan Khôi, “Mời Trần trọng Kim đi với Khổng Tử và Mạnh Tử đến nhà M. Logique chơi, tại đó chúng ta sẽ nói chuyện...” Trong *Phụ Nữ Tân Văn*, số 71, 72 và 74. Trần Trọng Kim, Phần Phụ Lục, tr. 403, 419. Năm 1941, học giả Dương Quảng Hàm lập lại một quan niệm tương tự. Họ Dương viết: “Bởi thế, nếu xét về mặt triết học, thì ta phải nhận rằng nước ta không có quốc học, nghĩa là cái học đặc biệt, bản ngã của dân tộc ta.” Xin tham khảo Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* (Hà Nội, 1941); tái bản lần thứ 10 (Sài Gòn: Bộ Giáo Dục, 1968), tr. 458.

bỏ được niềm hy vọng vào sự tái sinh cái sức mạnh và uy phong của nho học.

Ngay cả vào những thập niên gần hơn, Việt triết hình như không được để ý tới. Khi Đại Học Văn Khoa Sài Gòn được chính thức thành lập, khoa triết học giữ một chỗ đứng khiêm tốn với những lớp về triết học Tây phương. Nhờ vào sự cố gắng của nhóm Tân nho, triết học Đông phương mới len được chân vào giảng đường. Thế nhưng triết học Đông phương cũng chỉ là triết học Trung Hoa, hay Ấn Độ. Một số tập san triết học vào thập niên 1965-1875 như *Đông Phương, Tư Tưởng*<sup>19</sup> tuy bàn nhiều tới văn hóa Việt, song chỉ có một số lượng rất ít ỏi về Việt triết. Thê thảm hơn, khóa trình tại đại học không nói chi tới Việt triết. Các vị giáo sư đa số chú dịch *Tứ Thư, Ngũ Kinh, Lão, Trương, Hàn Phi Tử*, hoặc Vương Dương Minh, Nhị Trình,<sup>20</sup> hay giới thiệu nền triết Ấn như lớp triết học Ấn Độ nhập môn, vân vân. Về sau có thêm một vài khóa về Phật giáo Việt Nam. Nói chung, Việt triết gần như hoàn toàn vắng bóng. Tuy bị lơ là, triết học Đông phương càng ngày càng thu hút được giới trí thức và sinh viên; và Việt triết bắt đầu hấp dẫn giới trẻ yêu nước, muốn tìm về nguồn gốc và niềm tự hào dân

<sup>19</sup> Tập san *Đông Phương* do Tiến sĩ Hoàng Sỹ Quý thành lập, quy tụ các học giả như Kim Định, Nguyễn Văn Thọ, Hồ Hữu Tường, vân vân. Tập san *Tư Tưởng* do Đại Học Vạn Hạnh chủ trương.

<sup>20</sup> Những bản dịch thuật của các tân nho bị ảnh hưởng của Tây học như Nguyễn Văn Ngọc, Ngô Tất Tố, Đoàn Trung Cò, Nghiêm Toản, Nhượng Tống, Nguyễn Duy Cần, Đoàn Duy Khê, Lê Phục Thiện, Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê, vân vân. Đa số các bản dịch này được Bộ Quốc Gia Giáo Dục tài trợ in và phát hành.

tộc. Mặc dù chương trình triết học Đông phương được đưa vào trong lớp Tú Tài II,<sup>21</sup> song, trừ Nguyễn Đăng Thục<sup>22</sup> và Lương Kim Định,<sup>23</sup> các giáo sư triết học tại Đại Học Văn Khoa vẫn chưa hoàn toàn nhận ra được vai trò của Việt triết. Nó vẫn còn bị quên lãng, nằm vất vưởng ngoài ngưỡng cửa của hàn lâm.<sup>24</sup>

<sup>21</sup> Tiến sĩ Vũ Đình Trác từng soạn riêng một tác phẩm *Triết học Đông Phương* cho chương trình Tú Tài II vào cuối thập niên 1960.

<sup>22</sup> Nguyễn Đăng Thục, *Lịch Sử Triết Học Đông Phương* (Sài Gòn, 1962), 4 tập; *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam* (Sài Gòn: Nxb Tph HCM, 1992) (6 tập) và *Triết Lý Nhân Sinh của Nguyễn Công Trứ* (Sài Gòn, không niên hiệu).

<sup>23</sup> Xin xem *Việt Triết Luận Tập*, Hạ Tập, chương về “Kim Định và Việt Triết;” hoặc Trần Văn Đoàn, “Kim Dinh’s Search for a Viet-Philosophy,” trong Phan Đình Cho & Trần Văn Đoàn, chb., *Kim Dinh - Life and Philosophical Works* (Washington D. C.: The University Press of Vietnam, 2001).

<sup>24</sup> Vào lúc đó, Việt triết thu hút được một số những người không chuyên về triết học, hay tự học triết học như Nguyễn Đăng Thục, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Thọ, hay thế hệ trẻ như Phạm Công Thiện, Bùi Giáng... Đây cũng là một lý do tại sao Việt triết với phương pháp vá vấp, thiếu sự nghiêm túc hàn lâm, ngay từ lúc phôi thai. Ngay các tác phẩm tiêu biểu nhất của Nguyễn Đăng Thục, Kim Định cũng đều vướng vào những lỗi lầm căn bản như thiếu hệ thống, phân tích rời rạc, lý luận thiếu vững chắc, đôi khi mâu thuẫn, sử liệu mơ hồ, vân vân. Ngoài ra cũng phải nhắc đến một quan niệm sai lầm, cho rằng, bất cứ vị nào thông thạo hán ngữ (hán học), cũng có thể thảo luận triết Đông. Cũng phải nói thêm là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã đặc biệt chú trọng tới tư tưởng Việt. Song một số học giả Phật tử đi hơi quá xa. Có lẽ vì lý do chính trị, họ đồng hóa tư tưởng Việt với Phật giáo. Trong giai đoạn này, ngoài việc thành lập Đại Học Vạn Hạnh, Tập san *Tư Tưởng*, nhà xuất bản Lá Bối, Phật giáo cũng đã gửi một số tăng ni du học bên Nhật, Trung Hoa và Ấn Độ. Điểm mà chúng tôi muốn nhấn

Tại miền Bắc, do hoàn cảnh, và bị ảnh hưởng của học thuyết của Karl Marx và Ivan I. Lenin,<sup>25</sup> Việt triết không được tận lực khai thác, cho tới thập niên 1980, mới bắt đầu một số dự án có quy mô và hệ thống. Trước đó chỉ thấy xuất hiện một cách rải rác một số tác phẩm về Phan Bội Châu,<sup>26</sup> Cao Bá Quát,<sup>27</sup> Nguyễn Đình Chiểu,<sup>28</sup> như là

mạnh nơi đây, đó là Nho, Phật, Lão và ngay cả các tư tưởng mới từ Tây phương đã và đương đóng góp vào việc phát triển Việt triết. Bất cứ quan niệm nào tự phong mình làm chủ đạo trong Việt triết trên thực tế, và trên nguyên tắc, thiếu nền tảng khoa học và cực đoan, quá khích. Một lối nhìn như vậy xuất phát từ tham vọng quyền lực, quyền lợi và quyền uy. Đó là một lối nhìn ý hệ, có hại cho sự phát triển Việt triết.

<sup>25</sup> Viện Triết Học Hà Nội được thành lập năm 1962 - Trước đó có Tổ Triết Học, 1959; Bộ phận Triết Học, 1961 - do nghị định số 43-CP với nhiệm vụ “nghiên cứu lý luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vận dụng triết học nghiên cứu những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; nghiên cứu về lịch sử triết học Việt Nam; theo dõi triết học tư sản hiện đại và triết học trong vùng Mỹ ngụy kiểm soát; nghiên cứu đạo đức học, mỹ học, triết học trong khoa học tự nhiên; theo dõi tình hình của triết học trong các nước xã hội chủ nghĩa.” Xin xem Nguyễn Trọng Chuẩn, “Viện Triết Học 35 Năm Xây Dựng và Trưởng Thành” (1962-1997), trong *Viện Triết Học - 35 Năm Xây Dựng và Trưởng Thành* (Hà Nội: Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn, 1997), tr. 24-25. Trên thực tế, bộ phận “Lịch sử Triết học Việt Nam” phải đợi đến thập niên 1980 mới chính thức thành “Phòng nghiên cứu Triết học Việt Nam” do giáo sư Nguyễn Tài Thư làm chủ nhiệm.

<sup>26</sup> Bùi Đăng Duy, Nguyễn Đức Sự, Chương Thâu, *Phan Bội Châu - Tư Tưởng Chính Trị, Tư Tưởng Triết Học* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1967).

<sup>27</sup> Nguyễn Tài Thư, *Cao Bá Quát, Con Người và Tư Tưởng* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1980).

những thành quả của Viện Triết Học tại Hà Nội. Chúng tôi không rõ, môn triết học Việt Nam tại Đại Học Hà Nội có hay không; song nếu có, thì cũng chỉ vào những năm gần đây mà thôi.

Khúc quanh quan trọng có lẽ xảy ra vào đầu thập niên 1990, với bộ *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam* của Nguyễn Đăng Thục, và hai bộ *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* và *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam* do Viện Triết Học khởi xướng.<sup>29</sup> Sau đó với loạt sách về tư tưởng Nho giáo của Nguyễn Tài Thư, Phan Đại Doãn, Vũ Khiêu, Phan Ngọc, Trần Khuê, Nguyễn Khắc Viện;<sup>30</sup> về các tư tưởng gia Việt nói chung của Trần Ngọc Thêm, Đỗ Thị Hòa Hới, Trần Văn Giàu; và về Phật giáo Việt Nam của Nguyễn Hùng Hậu, Thích Minh Châu, Thích Minh Tuệ, vân vân.<sup>31</sup> Sớm hơn một

<sup>28</sup> Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sự, *Nguyễn Đình Chiểu - Một Ngôi Sao Sáng của Người Trí Thức Việt Nam* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1982).

<sup>29</sup> Nguyễn Tài Thư, chb., *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1989); Nguyễn Tài Thư, chb., *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam*, Tập 1 (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1993). Tập 2, do Lê Sỹ Thắng, chb. (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1997).

<sup>30</sup> Vũ Khiêu, chb., *Nho Giáo Xưa và Nay* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1990); Nguyễn Khắc Viện, *Bàn Về Đạo Nho* (Hà Nội: Nxb Thế Giới, 1993); Quang Đạm, *Nho Giáo Xưa và Nay* (Hà Nội: Nxb Văn Hóa, 1994); Nguyễn Tài Thư, *Nho Học và Nho Học ở Việt Nam* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1997); Phan Đại Doãn, chb., *Một Số Vấn Đề Về Nho Giáo Việt Nam* (Hà Nội: Nxb Chính Trị Quốc Gia, 1998).

<sup>31</sup> Để biết thêm, xin tham khảo Phan Đại Doãn, chb., *Một Số Vấn Đề Về Nho Giáo Việt Nam*, sđd. trên, và Trần Ngọc Thêm, *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam* (Sài Gòn: Nxb Tph Hồ Chí Minh, 1997); Thích Minh Tuệ, *Lược Sử Phật Giáo Việt Nam* (Tph Hồ Chí Minh, 1993). Các tác phẩm chuyên về các triết gia Việt: Đỗ thị Hòa Hới, *Tìm Hiểu Tư*

chút tại hải ngoại, chúng ta cũng thấy xuất hiện những tác phẩm của Vũ Đình Trác như *Triết Lý Chấp Sinh Nguyễn Công Trứ*, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*,<sup>32</sup> và những tác phẩm của Kim Định về Việt triết.<sup>33</sup> Nói cách chung, đây là một giai đoạn Việt triết bắt đầu được giới trí thức nghiên cứu nhiều hơn, và cũng được lưu ý, hay được chính phủ chấp nhận nồng nhiệt hơn. Trong giai đoạn này, chúng ta thấy ngoại trừ các tác phẩm của Kim Định, đa số các tác phẩm còn nằm trong phạm trù lịch sử có tính cách giới thiệu. Một nền Việt triết có hệ thống vẫn chưa xuất hiện.

Cũng trong giai đoạn này, ý thức được sự khẩn cấp của công việc hệ thống, và so sánh với các nền triết học khác, chúng tôi mạo hiểm thành lập *Ủy Ban Nghiên Cứu Việt Triết* với ba mục đích chính: (1) thúc đẩy chương trình nghiên cứu tư tưởng Việt; (2) dịch các kinh điển triết học sang Việt ngữ; và (3) đưa Việt triết vào trong quỹ đạo thế giới. Nói thì dễ, nhưng thực ra vô cùng khó khăn. Phần vì thiếu nhân lực, phần vì tài lực hoàn toàn không có; phần lại ở rải rắc quá xa, và bận bịu với công việc, những người trong Ủy Ban không thể ngồi làm việc chung, hay cộng tác chung trong một chương trình cố định. Tuy thế, họ cũng đã

*Tưởng Dân Chủ* của Phan Chu Trinh (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1996); Nguyễn Hùng Hậu, *Góp Phần Tim Hiểu Tư Tưởng Triết Học Phật Giáo Trần Thái Tông* (Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1996).

<sup>32</sup> Vũ Đình Trác, *Triết Lý Chấp Sinh Nguyễn Công Trứ* (Orange: Hội Hữu, 1988); *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du* (Orange: Hội Hữu, 1993).

<sup>33</sup> Kim Định, *Việt Triết Nhập Môn* (Houston: An Việt, 1988); *Gốc Rẽ Triết Việt* (Houston: An Việt, 1988); *Hưng Việt* (Houston: An Việt, 1987); *Thái Bình Minh Triết* (Garden Grove: Thời Điểm, 1997).

đạt được một số thành quả. Trên lãnh vực xuất bản, ngoài những tác phẩm của Kim Định và Vũ Đình Trác, đã thấy xuất hiện những bài viết của Vũ Kim Chính, Phan Đình Cho, Trần Cao Tường và của chúng tôi về triết học, thần học suy tư từ tư tưởng Việt,<sup>34</sup> cũng như của Nguyễn Tự Cường về Phật giáo Việt Nam.<sup>35</sup> Trên phương diện đưa Việt triết vào trong quỹ đạo thế giới, chúng tôi đã tương đối thành công với những cuộc hội thảo về tư tưởng Việt tại Anh, Mỹ, Nhật, Hương Cảng, và Đài Loan,<sup>36</sup> và đã gây

<sup>34</sup> Vũ Kim Chính, *Giải Phóng Thần Học - Mạch Lạc trung đích Chuyển Thích* (Đài Bắc: Quang Khải Xuất bản xã, 1991) (Hoa ngữ); Trần Cao Tường, *Về Nguồn Việt Đạo* (Garden Grove: Thời Điểm, 1989). Các tác phẩm của Phan Đình Cho và Trần Văn Đoàn đa số viết bằng ngoại ngữ. Xin xem phần tham khảo về Phan Đình Cho và Trần Văn Đoàn.

<sup>35</sup> Nguyễn Tự Cường, tự Như Hạnh, là một chuyên gia nổi tiếng về Phật giáo. Tiến sỹ họ Nguyễn hiện là Giáo sư Tôn giáo học tại Đh George Mason, Virginia. Tác phẩm đại biểu: Cuong Tu, Nguyen, *Zen in Medieval Vietnam - A Study and Translation of the Thiền Uyển Tập Anh*, (Honolulu: Hawaii University Press, 1997).

<sup>36</sup> Chúng tôi đã tổ chức các khóa họp như sau: Tại Đài Loan hai khóa: “Confucianism in Vietnam” (1987), với sự tham dự của Kim Định, Vũ Đình Trác, Vũ Kim Chính và Trần Văn Đoàn; và “Chinese Philosophy in Vietnam” (1999), với sự tham dự của Nguyễn Tài Thư, Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Quang Diển, Vincent Shen và Trần Văn Đoàn. Tại Toronto: “The Ideological Character of Vietnamese Religion” (1990), với sự tham gia của Kim Định, Lê Xuân Hy, P. Van der Meersch, Tatsuro Yamamoto, George F. McLean, Pierre Masson, D. Ball và Trần Văn Đoàn. Tại Hương Cảng: “The Recent Renaissance of Confucianism in Vietnam” (1993), với sự tham dự của Tu Wei-ming, Tatsuro Yamamoto và Trần Văn Đoàn; Tại Nagasaki (1997), với sự tham dự của Vũ Kim Chính, Nguyễn Đăng Trúc và Trần Văn Đoàn. Tại Boston (1998): ”Education of Human Resources for Vietnam in the

ra được phần nào sự chú ý của học giả thế giới.<sup>37</sup> Trong lãnh vực dịch thuật, chúng tôi cũng đã dịch xong nhiều tác phẩm, và sẽ cho ra mắt độc giả trong tương lai rất gần.<sup>38</sup>

Nói cách chung, sự việc thành lập *Ủy Ban Nghiên Cứu Việt Triết, và gần đây, Viện Nghiên Cứu Triết Học và Tôn*

Future

, với sự tham dự của Phan Đình Cho, Vũ Kim Chính, Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyên, George F. McLean và Trần Văn Đoàn. Năm 2000 tại Rome: “The Metaphysics in Viet-Philosophy” do Trần Văn Đoàn triệu tập. Các luận văn của các tham dự viên phát biểu đã được in rải rác trong các *Proceedings* của các hội nghị hay trong các Tập san nghiên cứu.

<sup>37</sup> Các bộ Tự Điển Bách Khoa như *The Encyclopedia of Chinese Philosophy*, *The Chinese Encyclopedia of Philosophy*, *Trung Quốc Triết Học Đại Từ Thư*, *Dictionnaire de la philosophie orientale*, vân vân từng mời chúng tôi đóng góp phần Việt triết. Tập san *Bibliographie internationale de Philosophie* của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tại Paris cũng đã yêu cầu chúng tôi cung cấp tài liệu và giới thiệu các tác phẩm triết học của Việt Nam trên Tập san.

<sup>38</sup> Bản dịch tác phẩm triết học từ Đức ngữ sang Việt ngữ: I. Kant, *Grundlegung der Metaphysik der Sitten*, và *Kritik der praktischen Vernunft*; G. F. Hegel, *Phàmenologie des Geistes*; M. Heidegger, *Was is das - die Philosophie?* cũng như *Vom Wesen der Wahrheit*, và *Theologie und Philosophie* (tất cả do Trần Văn Đoàn dịch). Bản dịch một số tác phẩm tiêu biểu của Kim Định sang Anh ngữ (Phan Đình Cho, Trần Văn Đoàn dịch và hiệu đính). Bản dịch *Truyền Thống Tái Sinh* của Thẩm Thanh Tùng từ Hoa ngữ sang Việt ngữ (Nguyễn Tài Thư dịch, Trần Văn Đoàn hiệu đính). Bản dịch hai luận văn của Kim Định về Việt triết sang Hoa ngữ (Trần Văn Đoàn dịch); bản dịch tác phẩm *101 Questions and Answers on the Death and Eternal Life* của Phan Đình Cho sang Hoa ngữ (Du Từ dịch, Trần Văn Đoàn hiệu đính), vân vân.

*Giáo Việt Nam*<sup>39</sup> với những dự án nghiên cứu về Việt triết, Việt thần, vân vân, là những cố gắng vượt khỏi sức lực của những người quá bận với miếng cơm manh áo, với bao nhiêu chương trình nghiên cứu khác như chúng tôi. Tuy vậy chúng tôi cảm thấy yên ủi khi thấy phong trào nghiên cứu Việt triết được nhiều nhân sỹ đáp ứng một cách rất nồng nhiệt. Tại quê hương, chúng ta đã thấy giới trí thức Hà Nội và Sài Gòn chú trọng nhiều hơn đến công việc khai quật Việt triết.<sup>40</sup> Tại hải ngoại, ngoài Hội An Việt, chúng ta cũng thấy xuất hiện nhiều tập san nghiên cứu như *Vietnamologica*, tập san *Triết Học*, *Thời Điểm*, và nửa nghiên cứu, nửa nghị luận thông tin như *Định Hướng*, quy tụ các nhân sỹ tha thiết tới văn hóa, tư tưởng dân tộc.<sup>41</sup>

<sup>39</sup> Viện Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam (The Vietnamese Institute of Philosophy and Religion) do Giáo sư Phan Đình Cho và chúng tôi triệu tập lần đầu tiên vào năm 1998 tại The Catholic University of America, Washington D. C. Hiện nay, thành viên của Viện bao gồm: Phan Đình Cho, Nguyễn Thái Hợp, Vũ Kim Chính, Nguyễn Tự Cường, Trần Văn Đoàn cũng như Trần Công Nghị, Quyên Di, Trần Cao Tường, Phạm Văn Tuệ, Võ Tá Đè, Bùi Hữu Thư, Nguyễn Đình Tân, vân vân.

<sup>40</sup> Chúng tôi đương cộng tác với Trung Tâm Khoa Học Xã Hội (Thp HCM) thúc đẩy chương trình nghiên cứu và biên bộ *Lịch Sử Triết Học Việt Nam*. Ngoài ra Viện Triết Học Hà Nội cũng đương xúc tiến công việc dịch bộ *Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam* sang Anh ngữ và Nga ngữ.

<sup>41</sup> *Vietnamologica* được một nhóm cựu giáo sư Đại Học Sài Gòn và Huế như Giáo sư Lê Hữu Mục (chuyên gia về chữ Nôm), Giáo sư Thái Công Tụng (địa chất gia), vân vân, thành lập tại Toronto vào giữa thập niên 1990. *Hội Hữu* (1985-86) do Tiến sỹ Vũ Đình Trác chủ trương, xuất bản được quãng 4 hay 5 số tại Garden Grove; *Triết Học* do một số nhân sỹ cựu giáo sư của Đại Học Vạn Hạnh, và thân hữu chủ trương,

Gần đây, để đáp ứng nhu cầu của các thư viện các đại học, cũng như thúc đẩy nghiên cứu, *Tập san Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam* cũng đã được Viện Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam thiết lập.<sup>42</sup> Đây đúng là một dấu chỉ khiến chúng ta có can đảm dám hy vọng về một tương lai sáng sửa của Việt triết.

---

xuất bản tại San Jose. *Định Hướng* do Phong Trào Giáo Dân Hải Ngoại thành lập vào năm 1993. Tòa soạn đặt tại Reichstett, Pháp. *Thời Điểm* nguyên là một Tạp chí do Tiến sĩ Trần Công Nghị, các Thạc sĩ Phạm Văn Tuệ, Trần Cao Tường, Quyên Di và thân hữu chủ trương năm 1991.

<sup>42</sup> *Tập san Nghiên Cứu Triết Học và Tôn Giáo Việt Nam* với hai giáo sư Phan Đình Cho và Trần Văn Đoàn làm chủ bút, và giáo sư Bùi Hữu Thư giữ chức chủ nhiệm.

## 2. NHỮNG NGÔ NHÂN

Trước hết, phần vì quá bị ảnh hưởng của triết học tây phương, hoặc của triết học đông phương, phần khác có lẽ do tự ti mặc cảm, nên chúng ta hoặc cho là mình không có một nền triết học cá biệt, hoặc nếu có, thì chỉ là vay mượn cóp nhặt: “Lời quê chắp nhặt dông dài,” mà mục đích thì thật là khiêm tốn: “Mua vui cũng được một vài trống canh.”<sup>43</sup> Lối nhìn và thái độ tiêu cực trên thực ra là do chúng ta chưa hoàn toàn thấu triệt ý nghĩa cũng như công năng của triết học. Về một phương diện khác, lối nhìn này phản ánh cái nhãn quan lệch lạc của văn hóa đông phương đồng hóa triết học với ý hệ (ideology).

Thứ nhất, chúng ta nhầm lẫn triết học với tôn giáo, và ý hệ. Chúng ta cho rằng triết học không có chi khác biệt với tôn giáo, và tôn giáo hoàn toàn đồng nghĩa với *tông giáo*, rồi vào thời đại gần đây, triết học lại phải hiểu theo nghĩa của ý hệ.<sup>44</sup> Thực ra, triết học không đồng nghĩa với tôn

<sup>43</sup> Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều Truyện*, câu kết. Bản văn biên chú của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim (Hà Nội 1925; Đại Nam tái bản, 1995).

<sup>44</sup> Thí dụ lối suy tư theo phạm trù của ý hệ thấy trong việc chúng ta ít khi phân biệt Khổng học khỏi Khổng giáo, Khổng giáo khỏi Nho gia. Tương tự, Đạo học không khác chi với Đạo giáo. Thế nên, chúng ta đồng hóa tư tưởng của một vị nho gia lãnh đạo với “triết học dựng nước,” hay “triết lý trị nước” của ông, và cho nó là “triết lý của quốc gia.” Lối suy tư thiển cận này khiến những nho gia, đạo gia, hay Phật đồ có tham vọng tự phong triết lý nho học (Phật học, hay đạo học) của các ông thành “quốc sách,” và biến thành ý hệ của dân tộc. Người ta quên rằng Phật học của đại sư Vạn Hạnh không thể đại biểu cho tất cả triết học Phật giáo; Nho học của triều đình nhà Nguyễn không nhất

giáo, ý hệ. Triết học là một lối suy tư hệ thống, khoa học về những nguyên lý, nguyên tắc, cội nguồn... của những hiện tượng đương xẩy ra để có thể đưa ra một tri thức khoa học (tri thức luận, luận lý học.) Triết học cũng là một nỗ lực đi tìm vấn nạn, và những giải đáp có tính chất nguyên tắc để có thể áp dụng giải quyết những vấn đề thực hành trong cuộc sống như đạo đức, pháp luật (đạo đức học, triết học xã hội, pháp luật). Đáng khác, triết học còn là một sự truy tầm nền tảng căn nguyên của hiện tượng, của những quy luật, của cái mà chúng ta gọi là cảnh chung, tuyệt đối (siêu hình học). Nói cách chung, triết học không hạn hẹp vào một môn học, một phương pháp, một trường phái. Triết học là một sự suy tư cho tới cội nguồn, tới cùng đích. Thế nên suy tư về mọi tri thức, mọi hành động, mọi tổ chức, vân vân, nói lên những nền triết học có vẻ cá biệt, song thực ra đều phát xuất từ cùng một nguyên lý đó là suy tư thấu triệt tới cùng đích. Triết học xã hội, triết học khoa học, triết lý sử học, đạo đức học, luận lý học, triết học tôn giáo, vân vân, tuy khác biệt về đối tượng, và phương pháp, song cùng một mục đích truy tầm nguyên lý, và cùng một thái độ thấu triệt.

Thứ đến, chúng ta sai lầm cho rằng chỉ có một nền triết học vĩnh cửu (*philosophia perennis*), mà chúng ta phải học, bắt chước và tôn thờ, đó là nho giáo, triết học kinh viện, hay gần đây, triết học Tây phương, và chủ thuyết xã hội. Những nền triết học trên không phải thiếu giá trị, nhưng nói đúng hơn, giá trị của chúng bị hạn hẹp vào thời gian và

thiết phản ánh hoàn toàn trung thực cả nền Nho đạo, đừng nói chi đến việc có thể đại biểu cho toàn thể nền văn hóa Việt.

không gian. Gán ghép cho chúng một giá trị tuyệt đối và phổ quát là một lối suy tư ý hệ, thiếu khoa học. Thực ra, như chúng tôi vừa nhắc tới, bất cứ một nền triết học nào, nếu có một mục đích khác, tất phải dùng một phương pháp khác biệt. Mà mỗi một xã hội, tùy theo điều kiện địa lý, lịch sử, nhân sinh, cũng như những vấn nạn xã hội, tất phải có những mục đích mà các xã hội khác. Nói cách khác, quan niệm cho rằng chỉ có một nền triết học duy nhất, một đạo duy tôn, một phương pháp duy uy là một quan niệm sai lầm, phát xuất từ những nguyên nhân phản triết học và khoa học. Hay nói đúng hơn, bất cứ tuyên xưng về một nền triết học vĩnh cửu nào cũng xuất phát từ những nguyên nhân phi triết học như quyền lực, lợi ích của giới lãnh đạo, vân vân. Câu nói “Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh” của Lão Tử có lẽ nói lên một cách đứng đắn một phần nào thái độ của triết gia chống bất cứ một nền ý hệ nào.<sup>45</sup>

Thứ ba, triết học không thể tách rời khỏi thế sinh (*Lebenswelt*, life-world) của con người. Thế nên, mỗi nền triết học là một kết tinh của một thế giới mà chúng ta đã hay đương và sẽ sống; là một nỗ lực tìm nguyên tắc giải quyết những vấn nạn của thế giới đó; là một cố gắng diễn đạt thế giới đó một cách trung thực; và là một thao thức vượt khỏi chính thế sinh này. Sai lầm của Plato không phải do việc ông thiếu suy tư, hay thiếu lý luận, song trong sự kiện ông tách rời triết học khỏi thế giới sống để xây dựng một nền tri thức khoa học vĩnh cửu vượt khỏi không gian

<sup>45</sup> Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, chương 1.

và thời gian. Tương tự, sự thiếu sót của Descartes không phải do việc ông bóp méo siêu hình học, song trong việc ông chủ trương phương pháp độc vị, cho phương pháp phân tích của toán học, và phương pháp trực giác của hình học là phương pháp duy nhất của triết học. Lỗi lầm chung của triết học cận đại không phải thiếu nghiêm chỉnh, song do sự việc nền triết học này tôn thờ chân lý, cho đó là mục đích duy nhất của triết học. Mà nền chân lý này phải mang tính chất “phổ quát” hay phổ biến, và “tất yếu,” tức tất nhiên. Đó có nghĩa là, nền chân lý này không tùy thuộc vào thế sinh của chúng ta. Và tiếp theo đó, chỉ có một phương pháp khoa học duy nhất mới có thể chứng minh được chân lý. Mà phương pháp khoa học này cũng phải hoàn toàn tách biệt khỏi cuộc sống con người. Nói cách khác, triết học cận đại vấp vào hai lỗi lầm: hạn hẹp mục đích và đối tượng của triết học vào chân lý, cũng như tuyệt đối hóa phương pháp của lý tính. Những sai sót này không làm triết học thụt lùi, nhưng ngược lại, khiến triết học tinh vi hơn, nhất là trong những lĩnh vực hệ thống và phương pháp. Chính nhờ sự tinh vi, và sự hiệu nghiệm của phương pháp trong công việc hiện đại hóa và lý tính hóa, nền triết học này tiêm chiếm ngôi vị độc tôn. Và khi chiếm được quyền uy tuyệt đối, triết học biến hành ý hệ. Như thế, tuy tinh vi, triết học tự nó đã đi vào con đường tự sát.

Vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, khi mà đế quốc Âu châu thống trị Á châu, thì các nền triết học khác bị gạt bỏ ra ngoài. Hai nền triết học Trung Hoa và Ấn Độ bị hạ cấp biến thành một loại văn hóa man di hay mê tín thiếu khoa học, bởi vì chúng đã không giúp gì cho việc lý tính

hóa, và kỹ nghệ hóa nơi các nước này. Giới tân học Trung Hoa như nhóm Hồ Thích, bị quáng gà bởi ánh sáng của khoa học, và nhất là mù quáng tin vào quyền uy tuyệt đối của nền văn minh cơ khí Âu Mỹ, đã từng coi Nho học như thành phần phản động, tôn giáo Á châu như là ung nhọt của xã hội.<sup>46</sup> Giới tân học Việt cũng theo quan thầy Trung Hoa để khinh miệt cái học truyền thống “hủ nho,” “phong kiến,” “phản động” tại nước nhà. Chúng ta bây giờ có thể hiểu được lý do tại sao phần lớn giới trí thức Việt bị ảnh hưởng của Tây phương không giám nghĩ tới một nền Việt triết, hoặc nếu có nhắc tới, thì cũng chỉ coi nó là một thứ triết lý “rẻ tiền” trong lúc trà dư tửu hậu mà thôi. Bi đát hơn nữa đó là sự thiếu ý thức, và chưa đủ tự trọng của một số trí thức bị tây hay tầu hóa. Họ cho rằng, chỉ có đồ tầu, đồ tây mới đáng giá; chỉ khi nào sì sô được “cống hỷ, méc xì,” thì “ta biết cả,” thì mới đáng được gọi là trí thức; chỉ có những ai “được giật dỗ” trong trường tây trường đầm, được đi “du học” tại Âu, Mỹ, Tầu, mới sáng giá. Chính cái tâm

<sup>46</sup> Xin tham khảo thêm Chow Tse-tsung, *The May Fourth Movement* (Cambridge: Harvard University Press, 1960), tr. 289 và 293. Sự sai lầm của Hồ Thích, Trần Độc Tú, vân vân, được sử gia Emmanuel Hsu tóm lại như sau: “Vậy thì, nhìn từ phía cạnh lịch sử, mặc dù với những tính cách hung hăng, cuộc cách mạng trí thức chỉ thành công trong việc giới thiệu các tư tưởng Tây phương và phá hoại giá trị truyền thống Trung Hoa mà thôi; họ đã chẳng xây dựng thêm được một hệ thống tư tưởng và trường phái mới mẻ nào cả.” Xin xem Emmanuel Hsu C.Y., *The Rise of Modern China* (Hongkong: Oxford University Press, 1983), tr. 511. Cũng xin xem thêm: Trần Văn Đoàn, “The Dialectic of Tradition and Modernity” trong *Philosophical Review*, Số 17 (1994), tr. 129-163.

lý nô lệ này có lẽ là một ngăn trở lớn nhất cho công việc đi tìm giá trị của dân Việt. Chính cái nhã nhặn quan lệch lạc “tha hóa” này khiến chúng ta hướng ngoại, và tự quên cái giá trị cao quý của mình.<sup>47</sup>

---

<sup>47</sup> Hậu quả là rất ít tác phẩm nghiên cứu (đứng nói đến có giá trị) về Việt học do người Việt viết. Những tác phẩm của Lê Văn Siêu, Nguyễn Khắc Viện bằng Pháp ngữ về văn minh, văn hóa Việt, tiếc thay, chỉ có tính cách giới thiệu, không thể sánh với bộ sách đồ sộ, công phu của Léopold Cadière, *Croyances et Pratiques religieuses des Vietnamiens* (Paris: S.E.I., 1958).

### **3. BẢN CHẤT VÀ CÔNG NĂNG CỦA VIỆT TRIẾT**

Nếu hiểu triết học theo đúng nghĩa nguyên thủy, thì chúng ta sẽ thấy là bất cứ một nền tri thức nào cũng đều phát sinh từ một cuộc sống nào đó. Mà cuộc sống nào cũng đều có nhiều mục đích đa tạp và mâu thuẫn, và những phương tiện để đạt tới những mục đích đó. Nói cách khác, nếu triết học xây trên cuộc sống, thì không phải mọi triết học đều có cùng một mục đích, và do đó không nhất thiết phải dùng cùng một phương pháp. Như vậy chúng ta phải chấp nhận rằng, triết học mang tính chất đa diện (nếu không giám nói là đa tạp), y hệt như văn hóa. Và như vậy, sự hiện diện của Việt triết là lý lẽ tất nhiên. Bởi không lẽ có một thế sinh Việt, mà không có một nền văn hóa Việt; mà nếu có một nền văn hóa Việt, chẳng lẽ lại không có một nền Việt triết? Do đó, muốn thấu triệt Việt triết, chúng ta bắt buộc phải hiểu một cách thấu đáo thế sinh của dân Việt. Mà để có thể hiểu được dân Việt, chúng ta không thể không nghiên cứu mục đích (điều họ đeo đuổi, những vấn nạn mà họ đã gặp, đương gặp và sẽ gặp, những lý tưởng, vân vân), phương tiện mà họ khám phá, áp dụng, hay sửa đổi để giải quyết vấn đề, để truy tìm mục đích (phương pháp luận), cách biểu tả (ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật), tâm tình cũng như lối suy tư (luận lý học), lối cấu tạo và điều hành xã hội (trật tự, kết cấu) cũng như khát vọng và hy vọng (tôn giáo, của họ). Chỉ khi nào chúng ta nắm vững những khía cạnh của thế sinh Việt, chúng ta mới có thể xác tín về một nền Việt triết.

Hiểu triết học như là một nền triết lý nhân sinh (philosophy of life), chúng ta có thể nói, Việt triết là một kết tinh của những mục đích chung của dân Việt; Việt triết phản tỉnh về những lối giải quyết vấn đề của dân Việt; Việt triết là nguyên lý hay tinh thần hướng dẫn và nối kết họ; Việt triết dùng những biểu tượng, ngôn ngữ và nghệ thuật chung diễn đạt tâm tình chung của dân tộc; và Việt triết là linh hồn của nước Việt. Nói như thế không sai, song có vẻ quá trêch thượng, và trống rỗng, bởi vì chúng ta sẽ hỏi, vậy thì Việt triết là cái gì? Làm sao chúng ta nhận ra nó? Và có thật là Việt triết bao gồm những công năng trên không?

Trong *Việt Triết Luận Tập*, chúng tôi cố gắng đi kiếm những giải đáp cho những câu hỏi trên. Những giải đáp này chỉ có hiệu lực nếu chúng phản ánh được cái *công tính* của dân Việt; nếu chúng xây trên *công cảm* của người dân; nếu chúng nói lên được tính chất *công thông* và trọng *công lợi* trong phương thế giải quyết. Nói cách khác, những quan niệm như Việt đạo, Việt linh, Việt hồn, Việt lý... biểu tả những đặc tính chung, khát vọng chung, mộng ước và lý tưởng chung, cũng như cách biểu tả, và phương thế giải quyết vấn đề thường thấy nơi dân Việt. Song, chúng tôi ý thức rằng, bất cứ một câu giải đáp nào cũng chỉ có tính cách giai đoạn, bởi lẽ thế sinh Việt luôn trong một quá trình biến đổi, thăng tiến một cách biện chứng (hay siêu việt biện chứng). Và như thế, ngay cả nguyên lý sống cũng biến đổi, tuy một cách chậm chạp, và sâu xa nên ít khi nhận ra.

Trong phạm vi của phần dẫn nhập này, tác giả chỉ trình bày một cách giản lược bản chất và công năng của Việt triết như trên. Tuy vậy, nơi đây cần phải làm sáng tỏ một vài vấn đề, để độc giả có thể thấy ngay sự đặc thù của Việt triết. Như chúng tôi đã nói, Việt triết là kết tinh từ thế sinh Việt, là nguyên lý hướng dẫn con người Việt, là tinh thần biểu tả tâm linh Việt, vân vân. Khi nhấn mạnh đến tâm linh, tinh thần, thế sinh Việt, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến tính chất cá biệt, và phổ quát tương đối của Việt triết. Khác với triết học Hy lạp, và nhất là nền triết học cận đại từng có tham vọng xây dựng một nền tri thức đơn nhất, duy lý và độc tôn (còn gọi là khoa học thống hợp, unified science), Việt triết không phải là một nền triết lý đặt trên một nền tảng siêu hình vượt khỏi không gian và thời gian Việt. Do đó, Việt triết không mang tính chất phổ quát và tất yếu cho toàn nhân loại. Nó chỉ mang lại ý nghĩa cho người Việt, và những sắc dân có một thế sinh tương tự. Thứ tới, Việt triết mang tính chất thực dụng, và không hoàn toàn chú trọng tới lý thuyết. Mang tính chất thực dụng bởi vì triết lý trước hết là một công cụ dùng để giải quyết những vấn nạn thực tiễn, liên hệ trực tiếp tới nhân sinh. Đạo đức, quy luật (phong tục tập quán) là những phương tiện giải quyết những khó khăn xung đột phát xuất từ việc phân chia ruộng đất, gia tài, công lợi; từ những xung kích tình cảm và nhu cầu của đại gia đình, vân vân.<sup>48</sup> Tương tự,

---

<sup>48</sup> Đây cũng là một lý do tại sao người Việt chấp nhận quan niệm coi đạo đức như là căn bản của gia đình, xã hội; một quan niệm căn bản của Nho học: “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.” *Dai Hoc*, chương 1.

tôn giáo dân gian cũng được hiểu theo một nghĩa thực dụng như trên. Sự liên hệ mật thiết giữa thần thánh và con người, y hệt như sự tương quan giữa con người, được xây dựng trên một luận lý thực dụng “có thực mới vực được đạo,” và một phạm trù tương quan “gần chùa gọi Bụt bằng anh.” Sau nữa, Việt triết, như là một nguyên lý sinh tồn, không thể theo nguyên lý đồng nhất, không mâu thuẫn, hay triết tam tùng được áp dụng trong triết học Tây phương. Việt triết phản ánh lối sống tổng hợp: bất cứ lý thuyết gì, bất cứ phương thế nào, nếu giúp con người đạt tới mục đích sinh tồn, phát triển và tiến bộ đều có thể được chấp nhận. Đây là một lý do tại sao tam giáo có thể đồng nguyên. Đây cũng là một lý do giải thích sự phát sinh của các đạo phái Cao Đài và Hòa Hảo, và nhiều tôn giáo tương tự.

## **4. TƯƠNG LAI VIỆT TRIẾT**

Điểm quan trọng mà chúng tôi nhấn mạnh nơi đây, đó là một sự tổng hợp của các phương thế, cũng như những quan điểm về cuộc sống (nhân sinh quan) không trên lý thuyết song chỉ có thể xảy ra trong thực hành, và được hướng dẫn bởi ba mục đích căn bản của nhân sinh: sinh tồn, phát triển và tiến bộ. Như thế, sự tổng hợp này không theo một nguyên tắc, hay phương pháp cố định. Nó bị ảnh hưởng bởi những điều kiện ngoại tại cũng như nội tại. Những điều kiện ngoại tại như địa lý, thiên tai, kinh tế, ngoại xâm... có thể đã có sẵn từ lâu đời, cũng có thể bất chợt, thường làm đảo lộn lối suy tư, và nhất là cách sống của chúng ta. Tương tự, những điều kiện nội tại như sự biến đổi tình cảm, tri thức (với sự trưởng thành, với sự tiến bộ trong nền giáo dục), sự thay đổi của lối sống, vân vân, cũng ảnh hưởng một cách sâu đậm tới sự tổng hợp này. Nói một cách khác, tuy luôn luôn đặt sự sinh tồn, sự phát triển của cuộc sống, sự tiến bộ của con người làm mục đích, con người Việt hiểu sinh tồn, phát triển và tiến bộ theo nhiều nghĩa khác nhau, cũng như đánh giá vai trò, thứ tự của chúng không theo một nguyên tắc cố định. Trong thời loạn ly, bị xâm lược, chủ thuyết ái quốc được coi như là nền tảng, và phương pháp đấu tranh được coi như là một phương tiện hữu hiệu nhất (trung quân ái quốc). Trong thời hòa bình, tinh thần tương thân tương ái và lối sống hòa đồng (nhân ái, hòa hợp) lại thường được trọng vọng và nâng lên hàng đạo đức. Trong một thời đại hỗn mang, loạn thế, người Việt có thể áp dụng tất cả mọi biện pháp, cho

dù đối nghịch, mâu thuẫn; cũng như có thể cùng một lúc theo nhiều lý thuyết hoàn toàn khác biệt. Trong khi thư nhàn, họ lại trọng văn chương, trọng nghệ thuật, trọng lối sống tao nhàn mặc khách. Nói tóm lại, chúng ta có thể nói tùy theo những điều kiện ngoại tại và nội tại, người Việt thay đổi hay cấu tạo một thế sinh. Việt triết phản tinh, và biểu tả một thế sinh như vậy. Nói cách khác, nếu mỗi một thế sinh là một tổng hợp của một giai đoạn, và nếu mỗi nền triết học là biểu tả của giai đoạn này, thì không thể có một nền triết học vĩnh hằng kiểu toán học, hay thần học trung cổ.<sup>49</sup>

Hiểu như vậy, sứ mạng của Việt triết không chỉ phản tinh những nền triết học trước, mà còn truy tìm những khó khăn của các thế sinh trước, và cùng với những khoa học khác, đi tìm những phương thế hữu hiệu, để có thể đưa ra những giải đáp xác đáng, hữu hiệu hơn. Một cách cụ thể, sứ mạng của Việt triết trong giai đoạn hiện đại bao gồm (1) phản tinh, truy tầm những vấn nạn của xã hội Việt; (2) phê bình để có thể phát hiện nguyên nhân căn bản của sự khó khăn, tính cách thụ động (inertia) của xã hội, cũng như những hình thái khiến người dân Việt không thể tự phát hiện những nan giải này; và (3) tìm những phương thế hữu

<sup>49</sup> Một số triết gia và khoa học gia nhận định là ngay cả nền khoa học nghiêm túc cũng không hoàn toàn chủ trương một nền tri thức tuyệt đối. Tại Pháp, ta thấy Gaston Bachelard, Georges Canguilhem, Michel Foucault, và trường phái hậu hiện đại (postmodernisme). Trong khi tại Bắc Mỹ, với Thomas Kuhn, Richard Rorty, vân vân. Xin xem Michel Foucault, *Archéologie du Savoir* (Paris: Gallimard, 1968); Thomas Kuhn, *The Structure of Scientific Revolution* (Chicago: Chicago University Press, 1961).

hiệu lâu dài và quảng bá để giải quyết những vấn nạn đã, đương và sẽ xảy ra. Nói cách khác, các phương thế mà Việt triết đưa ra phải mang tính chất nguyên lý, chứ không chỉ thuần túy công cụ mà thôi.

Việt triết do đó, để có một chỗ đứng trong lịch sử của dân Việt, và của nhân loại, phải hoàn thành những sứ mạng của dân Việt và của nhân loại. Thứ nhất, Việt triết phải tìm ra những cộng tính (cộng cảm, cộng thông, cộng đồng, công lợi, công ích, vân vân) của dân Việt, cũng như những vấn nạn căn bản của dân Việt và nước Việt (sự vong thân, tha hóa, vật hóa trong xã hội hiện đại; sự sống còn trong cuộc tranh đấu cho miếng cơm manh áo, cho sự độc lập của đất nước; sự khủng hoảng đập vỡ những cộng tính cũng như những giá trị của chúng, hư vô chủ nghĩa, vân vân). Thứ đến, Việt triết phải cộng tác với những khoa học khác để tìm ra (1) cách phát hiện và giải đáp vấn nạn; (2) cách thể biểu tả diễn đạt cộng tính, cộng cảm; (3) những bảng giá trị chung để bảo đảm sự sinh tồn, để phát triển, và tiến bộ. Tiếp theo, chỉ khi nào những giải pháp mà Việt triết đưa ra có thể giải quyết một cách thỏa đáng - hay ít nhất, nguyên lý của nó không sai -, thì lúc bấy giờ Việt triết mới có thể được chấp nhận như Việt đạo. Tương tự, chỉ khi nào Việt triết có thể biểu tả được cái cộng tính, cái cộng cảm, và cộng thông, thì lúc bấy giờ mới có thể được chấp nhận như Việt hồn, Việt linh. Và lẽ dĩ nhiên, chỉ khi nào những bảng giá trị Việt triết đề nghị có tác dụng trong công việc bảo tồn và phát huy xã hội Việt, thì lúc ấy mới có thể được coi là căn bản của luân thường đạo lý cũng như pháp luật Việt. Sau cùng, Việt triết chỉ có thể có một

chỗ đứng vững chãi trong cộng đồng của triết học thế giới, nếu nó, hay nếu các triết gia Việt có thể cống hiến cho nhân loại những nguyên lý, phương pháp hay những giải đáp hữu hiệu có tính cách phổ quát và lâu dài.

Trong tác phẩm *Le Même et l'Autrui*, giáo sư Vincent Descombes của Đại Học Paris đã xác quyết về triết học Pháp như sau: “Triết học Pháp là một nền triết học được diễn đạt bằng Pháp ngữ, dẫu rằng triết học này bàn về tư tưởng Hy Lạp, La-tinh, Anh, hay Đức.”<sup>50</sup> Có lẽ nhiều người không hẳn hài lòng với lối đao to búa lớn, và cười mũi cái tội tham lam của Descombes. Song, chúng ta cũng nên thông cảm với ông, đừng nên “cười người hôm trước, hôm sau người cười.” Bởi lẽ, chúng ta cũng đồng bệnh đồng thuyền với họ: cái bệnh tự ti, và tự ngạo. Triết học Pháp hiện đương bị giới triết học Đức, và giới triết học dùng Anh ngữ chấn áp. Điều mà Descombes hẳn ý thức rõ ràng và đau sót, đó là triết học Pháp hiện đại nếu không có những ông tổ người Đức và Áo như Immanuel Kant, Georg F. W. Hegel, Karl Marx, Friedrich Nietzsche, Edmund Husserl, Martin Heidegger, Sigmund Freud, Ludwig Wittgenstein, sẽ chẳng còn gì ngoài những lời ba hoa rỗng tuếch.<sup>51</sup> Chúng tôi cũng ý thức như thế. Nếu gạt bỏ tất cả mọi tư tưởng “ngoại lai” như Tam Giáo, Kitô giáo, và các nền triết học Âu Mỹ, - như một số trí thức quá khích chủ trương -, thì Việt triết có lẽ chỉ còn là một cǎn lều hoang mà thôi.

---

<sup>50</sup> Xin tham khảo Vincent Descombes, *Le Même et l'Autrui* (Paris: Minuit, 1979), phần Dẫn nhập.

<sup>51</sup> Vincent Descombes, sđd., phần Dẫn nhập.

Thế nên, chúng tôi chủ trương, chúng ta có lẽ cũng nên *tham lam đôi chút*, chấp nhận rằng bất cứ người Việt nào, cho dù dùng tiếng nước chi, hay viết về bất cứ nền triết học gì, cũng đương trên con đường xây dựng Việt triết. Và bất cứ ai, dùng ngôn ngữ gì viết về Việt triết, cũng đã và đương góp công vào tòa nhà Việt triết. Hiểu như vậy, những công trình của Trần Đức Thảo, Trần Thái Đỉnh, Lê Tôn Nghiêm, Cao Văn Luận, Trần Văn Hiến Minh, Trần Văn Toàn, Phan Đình Cho, Paul Cadière cũng như nhiều học giả tại Viện Triết Học Hà Nội và tại các đại học tại Việt Nam, tức những vị chuyên về triết học hay thần học và tôn giáo Tây phương, cũng phải được chấp nhận như là những viên gạch đóng góp vào công việc xây dựng tòa nhà Việt triết. Tương tự, những công trình nghiên cứu về các tôn giáo, các ý hệ như Phật học, Đạo học, Khổng học, Đạo dân gian, Đạo Cao Đài, Đạo Hòa Hảo cũng như các lý thuyết triết học Âu Mỹ cũng phải được công nhận như là những viên gạch, những mầu sắc tô điểm, làm ngôi nhà Việt triết càng vững chắc, càng hấp dẫn.